

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140/CT-TCKT

Bình Phước, ngày 28 tháng 4 năm 2011

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**  
**Năm 2010**

**I. Lịch sử hoạt động của Công ty.**

**1. Những sự kiện quan trọng:**

**1.1/ Việc thành lập:** Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là dự án do Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) đơn vị nằm ngoài ngành điện vừa làm chủ đầu tư vừa thi công xây dựng sau khi có quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Srok Phu Miêng số 947/QĐ-TTg ngày 14/10/2002 của Chính Phủ. Một lĩnh vực điện năng chiến lược hoạt động của IDICO.

Công trình Thủy điện Srok Phu Miêng nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc vùng Đông Nam Bộ. Công trình sử dụng nguồn thủy năng của Sông Bé một nhánh sông quan trọng của hệ thống Sông Đồng Nai. Công trình Thủy điện Srok Phu Miêng được chính thức khởi công xây dựng từ ngày 24/11/2003 tại Xã Long Bình, Huyện Phước Long (nay là Huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước trên diện tích 1.914 hecta. Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO có tổng công suất 51 MW gồm hai tổ máy với công suất mỗi tổ 25,5 MW, tổng vốn đầu tư xây dựng nhà máy là 1.149 tỷ đồng. Vinh dự nhất cho công trình Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là ngày khởi công Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (hiện là Thủ tướng) đã đến phát lệnh khởi công và căn dặn toàn thể cán bộ công nhân công trường. Trong thời gian cao điểm thực hiện các hạng mục của công trình chống lũ năm 2004, Bộ trưởng Bộ Xây Dựng Nguyễn Hồng Quân đã đến thăm và làm việc với cán bộ, công nhân công trường. Chính sự khích lệ, động viên của các Đồng chí lãnh đạo cấp cao như luồng sinh khí mới đem đến cho phong trào thi đua lao động sôi nổi với tinh thần “khẩn trương, chất lượng và an toàn” cùng với sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo IDICO sau gần 4 năm xây dựng công trình đã hoàn thành đúng tiến độ (2003-2006). Nhà máy chính thức phát điện thương mại hòa vào lưới điện Quốc gia tổ máy số 1 vào

cuối tháng 10/2006 và tổ máy số 2 vào tháng 12/2006, bước đầu đưa vào sử dụng nhà máy đã phát huy hết công suất thiết kế. Lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam đã khẳng định: “Qua dự án này cho thấy IDICO là đơn vị có năng lực, trưởng thành và đủ điều kiện đảm nhận thực hiện các dự án thủy điện trong nước”.

Đây là công trình thủy điện đầu tiên do IDICO đầu tư xây dựng và quản lý vận hành, công trình được Bộ Xây Dựng và các Ban ngành liên quan đánh giá cao về chất lượng công trình, tiến độ xây dựng và năng lực quản lý điều hành. Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO là bậc thang thứ ba của hệ thống thủy điện bậc thang Thác Mơ- Cần Đơn - Srok Phu Miêng trên Sông Bé. Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng - IDICO được nhiều công ty lớn và có uy tín tham gia trong quá trình xây dựng.

Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam chính thức được thành lập theo Quyết định số: 126/ QĐ - TCT ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Hội đồng quản trị IDICO.

**1.2/ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:** Từ khi đi vào hoạt động nhà máy đã nhanh chóng ổn định sản xuất, tổ chức vận hành nhà máy với quy trình công nghệ tiên tiến bước đầu đã mang lại kết quả khả quan. Bộ Xây Dựng xác định việc cổ phần hóa nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sẽ tạo động lực để nhà máy phát huy hơn nữa quyền tự chủ và sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó ngày 30/08/2007 Bộ Xây Dựng có Quyết định số 1128/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO). Đây là bước đi hợp lý và phù hợp với chủ trương phát triển ngành điện của Đảng và Nhà nước ta theo hướng xã hội hóa, tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Ngày 07/11/2007 Bộ Xây Dựng ra Quyết định số 1377/QĐ-BXD phê duyệt phương án cổ phần hóa bộ phận nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

Ngày 09/01/2008 Bộ Xây Dựng ra Quyết định số: 29/QĐ-BXD về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển bộ phận doanh nghiệp nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) thành Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

+ **Trụ sở chính:** Thôn 7, Xã Long Bình, Huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước.

+ **Điện thoại:** 06513.731.400

**Fax:** 06513.731.092

+ **Email:** [shp@idico.com.vn](mailto:shp@idico.com.vn)

**Website:** [www.idico-shp.com.vn](http://www.idico-shp.com.vn)

**1.3/ Niêm yết:** Chưa

**1.4/ Các sự kiện khác:**

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức lần thứ hai ngày 28/04/2010.

+ Giấy CNĐKKD số 3800407449 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

## **2. Quá trình phát triển.**

### **2.1/ Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, kinh doanh điện năng, đầu tư xây dựng, kinh doanh các dự án cấp điện;

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh các dự án cấp nước;

- Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông

- Xây dựng thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế;

- Đào tạo, tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nhà máy điện;

- Tư vấn thí nghiệm các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;

- Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;

- Trồng trọt, nuôi trồng thủy sản;

- Trồng cây nông nghiệp, Kinh doanh dịch vụ du lịch

### **2.2/ Tình hình hoạt động:**

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, dưới sự chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Về cơ cấu bộ máy nhân sự điều hành Công ty hiệu quả; Việc xây dựng phương án hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; kinh doanh linh hoạt nhạy bén trong tổ chức các biện pháp nâng cao hiệu quả. Bên cạnh đó toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã tạo sự chuyển biến tích cực; Do vậy tình hình sản xuất kinh doanh đã có hướng phát triển tốt.

## **3. Định hướng phát triển**

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đã xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển như sau:

### **3.1/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Đảm bảo vận hành, phát triển ổn định, liên tục và an toàn hai Tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, tính toán khai thác tối ưu hồ chứa nhằm đạt sản lượng cao nhất.

- Tận dụng khai thác triệt để nguồn nước thiên nhiên để phát huy hết công suất sản xuất nước sạch cung cấp cho các đơn vị tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn.

- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN.

### **3.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đảm bảo các thiết bị điện vận hành an toàn liên tục, duy trì sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm 228 triệu kWh, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cơ bản của các cổ đông vượt mức kế hoạch..

- Đầu tư mở rộng Nhà máy nước Bình Phước - IDICO lên 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trong thời gian sắp tới.

- Phát triển mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh, xây dựng và quảng bá thương hiệu IDICO-SHP..

- Không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh đa ngành nghề như: Đào tạo công nhân vận hành cho các Nhà máy Thủy điện, tư vấn giám sát, Xây lắp và Bất động sản..., ưu tiên những dự án Công ty có nhiều ưu thế..

- Tổ chức đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp thực hiện giám sát các công trình xây lắp đường dây, các nhà máy thủy điện, các trạm điện, nhà máy nước, nhà máy xử lý nước thải. Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu, các chuyên gia về kỹ thuật vận hành nhà máy thủy điện áp dụng trình độ công nghệ kỹ thuật tiên tiến để cung cấp cho các nhà máy thủy điện khi đi vào sản xuất.

- Tận dụng quỹ đất được Nhà nước giao kết hợp với điều kiện tự nhiên về khí hậu và thổ nhưỡng được thiên nhiên đặc biệt ưu đãi rất phù hợp để Công ty phát triển các dự án về trồng rừng, cây công nghiệp (chủ yếu là cây cao su), nuôi trồng thủy sản kết hợp với dịch vụ du lịch lòng hồ.

### **3.3/ Cơ cấu vốn điều lệ:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần phổ thông	Giá trị cổ phần (Tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn (%)	CN ĐKKD- Số CMND Số ĐKKD
1	Cổ đông nhà nước Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam	151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	30.475.500	304.755	67,72	4106000335
2	Cổ đông khác		14.524.500	145.245	32,28	
<b>Tổng cộng</b>			<b>45.000.000</b>	<b>450.000</b>	<b>100</b>	

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010.

+ Doanh thu:	125.926.916.835 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế:	(15.385.827.132) đồng.
+ Nộp NSNN:	15.289.912.459 đồng.
+ Nợ phải thu:	21.989.333.730 đồng.
<i>Trong đó:</i> Nợ khó đòi:	0 đồng.
+ Nợ phải trả:	815.904.102.132 đồng.
<i>Trong đó:</i> Nợ quá hạn:	0 đồng.
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	(341,9) đồng/cổ phiếu.

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH/KH 2010
1	Sản lượng điện	triệu kWh	256	176,677	69%
2	Sản lượng nước	m <sup>3</sup>	547.500	547.500	100%
3	Tổng doanh thu	triệu đồng	189.954	125.927	66%
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	53.003	(15.385)	-29%
5	Nộp NSNN	triệu đồng	23.822	15.289	64%

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ đàm phán giá điện điều chỉnh được giá bán điện theo cơ chế 3 giá 3 giờ (giờ cao điểm, giờ bình thường và giờ thấp điểm). Điều này đã làm tăng doanh thu thêm 6 tỷ đồng so với giá bán điện cũ.

- Năm đầu tiên đưa vào hoạt động, kinh doanh nước sạch tận dụng từ nguồn nước lòng hồ Thủy điện Srok Phu Miêng bán cho khách hàng là Nhà máy Xi măng Bình Phước.

- Mở rộng hoạt động đào tạo công nhân vận hành, trưởng ca cho Nhà máy Thủy điện Đak mi 4, Đakglun...

#### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Trong năm 2011, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, diễn biến phức tạp, khó lường. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; việc xây dựng kế hoạch năm 2011 hết sức thận trọng và phù hợp. Do vậy Hội đồng quản trị đã thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011:

- Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty trên cơ sở: Ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh; tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn.

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và Quy mô Công ty trong giai đoạn mới.

- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu kinh doanh trong năm 2011.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong việc triển khai các dự án mới, mở rộng lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai các Hợp đồng kinh tế về giám sát lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Đak Mi 4, Đak Mi 4C, Đak Mi 3.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi có đủ điều kiện theo quy định của UBCK và các văn bản hướng dẫn.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường điện cạnh tranh theo quy định của Chính Phủ.

- Phối hợp với Ban giám đốc quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1/ Tỷ số khả năng sinh lời	Năm 2009	Năm 2010
+ Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	68%	51%
+ Lợi nhuận / Tổng tài sản (ROA)	0,04	(0,01)
+ Lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,11	(0,04)
1.2/ Tỷ số khả năng thanh toán		
+ Khả năng thanh toán hiện hành	0,24	0,25

+ Khả năng thanh toán nhanh 0,23 0,21

### 1.3/ Cơ cấu vốn

+ Nợ / Tổng tài sản 65% 67%

+ Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản 35% 33%

### 1.4/ Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

+ Hệ số biên lợi nhuận gộp: Năm 2009 cao hơn năm 2010 (0,68 đồng thu nhập trên mỗi đồng doanh thu năm 2009 so với 0,51 đồng thu nhập trên mỗi đồng doanh thu năm 2010).

+ So sánh các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS giữa IDICO-SHP, Công ty CP Thủy điện Thác Mơ, Công ty CP Thủy điện Cần Đơn:

STT	Chỉ tiêu	IDICO-SHP	Thủy điện Thác Mơ	Thủy điện Cần Đơn
1	Doanh thu tổng tài sản (ROA)	(0,01)	0,02	0,07
2	Doanh thu vốn chủ sở hữu (ROE)	(0,04)	0,03	0,14
3	Doanh lợi doanh thu (ROS)	(0,13)	0,09	0,33

### 1.5/ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

Với đặc thù của cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Công ty, giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2010: 8.749 đồng/cổ phiếu.

### 1.6/ Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không.

### 1.7/ Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 45.000.000 cổ phiếu, bao gồm:

+ Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu.

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

### 1.8/ Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: Không.

1.9/ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 45.000.000 cổ phiếu, bao gồm:

+ Cổ phiếu thường: 45.000.000 cổ phiếu.

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

### 1.10/ Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2010.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2010	Thực hiện		TH 2010/ KH 2010	TH 2010/ TH 2009
				2009	2010		
1	Sản lượng điện	tr.kWh	256	276,993	176,677	69%	64%
2	Sản lượng nước	M <sup>3</sup>	547.500	547.500	547.500	100%	100%
3	Tổng doanh thu	tr.đ	189.954	176.867	125.927	66%	71%
4	Tổng chi phí	tr.đ	136.951	126.489	141.313	103%	112%
5	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	53.003	50.378	(15.386)	-29%	-31%

+ Năm 2010 do tình hình thời tiết khô hạn kéo dài, nắng nóng diễn ra trên diện rộng nên lượng nước về hồ chứa không đủ để điều tiết chạy máy, Điều này ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện tiêu thụ năm 2010, chỉ đạt 69% (176,677 tr.kWh/256 tr.kWh), chỉ đạt 64% so với cùng kỳ năm 2009 (176,677 tr.kWh/276,993 tr.kWh).

+ Năm 2010 lãi suất tín dụng luôn biến động theo chiều hướng gia tăng và biến động tỷ giá hối đoái cũng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010.

+ Nhà máy nước Bình Phước IDICO đi vào hoạt động bước đầu đã mang lại hiệu quả cao, nhưng hiện tại dân cư tại khu vực đường vào Nhà máy Xi măng Bình Phước còn ít nên việc cung cấp nước sạch cho khu dân cư chưa thực hiện được.

Bên cạnh những khó khăn chung của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, Công ty cũng có những kết quả đạt được đáng khích lệ:

+ IDICO-SHP cùng Tổng công ty đã đàm phán được với EVN điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế 3 giá: giờ cao điểm, giờ bình thường và giờ thấp điểm. Điều này đã làm cho doanh thu tăng thêm 6 tỷ so với giá bán điện cũ.

+ Đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, không để tình trạng không bố trí được việc làm, không có lao động dôi dư.

+ Công ty lập kế hoạch trả nợ Ngân hàng đúng thời hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

+ Thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN, quyền lợi của cổ đông và người lao động trong Công ty.

### 3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành đã làm chủ được công nghệ và đã chuyển giao công nghệ đào tạo vận hành cho các Nhà máy Thủy điện khác như: Đakmi 4, ĐakGlun...

- Các biện pháp kiểm soát: Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra vùng lòng hồ...

- Công ty đã hoàn thiện bộ máy tổ chức, bổ nhiệm các chức danh quản lý theo đúng quy trình, quy định.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2010	Kế hoạch Năm 2011	KH 2011/ TH 2010
1	Sản lượng điện tiêu thụ	Tr.kWh	176,677	228,00	129%
2	Sản lượng nước	M <sup>3</sup>	547.500	547.500	100%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	125.926	158.630	126%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	141.312	149.640	106%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	(15.385)	8.990	-58%

## IV. Báo cáo tài chính (kèm theo báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>40.141.067.121</b>	<b>54.862.332.771</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.473.064.528</b>	<b>32.611.426.422</b>
1. Tiền	111	V.01	973.064.528	6.611.426.422
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000	26.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>21.989.333.730</b>	<b>13.855.669.230</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		20.595.865.458	13.035.061.930
2. Trả trước cho người bán	132		296.158.672	128.398.000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03	1.097.309.600	692.209.300
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.793.637.047</b>	<b>2.032.852.619</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4.793.637.047	2.032.852.619
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>885.031.816</b>	<b>362.384.500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.479.702	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.674.460	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		762.877.654	362.384.500
<b>B. Tài sản dài hạn (200=220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.169.483.425.091</b>	<b>1.212.892.197.146</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.096.720.964.798</b>	<b>1.133.171.416.799</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	856.289.125.099	873.227.893.896
- Nguyên giá	222		1.064.648.761.497	1.044.590.110.894
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(208.359.636.398)	(171.362.216.998)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	238.647.048.787	240.303.940.787
- Nguyên giá	228		243.512.007.047	243.512.007.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.864.958.260)	(3.208.066.260)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.784.790.912	19.639.582.116
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.762.460.293</b>	<b>79.720.780.347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	72.760.460.293	79.718.780.347
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	2.000.000
<b>Tổng cộng Tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b><u>1.209.624.492.212</u></b>	<b><u>1.267.754.529.917</u></b>

NGUỒN VỐN				
<b>A. Nợ phải trả (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>815.904.102.132</b>	<b>818.148.312.705</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>161.012.920.624</b>	<b>226.871.744.263</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	74.205.815.908	52.453.025.531
2. Phải trả người bán	312		2.678.663.082	2.738.725.161
3. Người mua trả tiền trước	313		1.081.560.400	
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	V.16	1.083.992.278	1.402.482.273
5. Phải trả người lao động	315		1.200.017.470	
6. Chi phí phải trả	316	V.17	4.633.481.649	6.198.780.287
7. Các khoản phải trả và phải nộp khác	319	V.18a	75.444.880.396	162.353.860.370
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		684.509.441	1.724.870.641
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>654.891.181.508</b>	<b>591.276.568.442</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18b	138.833.138.378	
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	516.058.043.130	591.259.068.442
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			17.500.000
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>393.720.390.080</b>	<b>449.606.217.212</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>393.720.390.080</b>	<b>449.606.217.212</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.555.646.680	7.555.646.680
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(63.835.256.600)	(7.949.429.468)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>Tổng cộng Nguồn vốn (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.209.624.492.212</b>	<b>1.267.754.529.917</b>

(Báo cáo tài chính 2010 đã được kiểm toán)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	119.220.073.132	170.163.240.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	119.220.073.132	170.163.240.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	58.419.780.900	54.863.133.591
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ	20		60.800.292.232	115.300.107.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	6.696.841.318	6.590.028.304
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	76.342.554.830	64.393.296.280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>73.370.450.383</i>	<i>62.832.228.535</i>
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.550.408.237	7.233.026.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.395.829.517)	50.263.812.548
11. Thu nhập khác	31		10.002.385	113.331.321
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		10.002.385	113.331.321
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.385.827.132)	50.377.143.869
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		1.541.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(15.385.827.132)	50.375.602.369
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(341,9)	1.119

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**  
**Năm 2010**

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CÒN PHẢI NỢ ĐẦU KỲ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		SỐ CÒN PHẢI NỢ CUỐI KỲ
			SỐ PHẢI NỢ	SỐ ĐÃ NỢ	
<b>I. Thuế</b>	<b>10</b>	<b>1.402.482.273</b>	<b>14.971.422.464</b>	<b>15.289.912.459</b>	<b>1.083.992.278</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.018.652.218	11.130.231.870	11.334.131.669	814.752.419
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	1.541.500		1.541.500	
3. Thuế thu nhập cá nhân	16	41.123.075	118.871.111	126.591.154	33.403.032
4. Thuế tài nguyên	17	341.165.480	3.719.319.483	3.824.648.136	235.836.827
5. Các loại thuế khác	20		3.000.000	3.000.000	
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>				
<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>1.402.482.273</b>	<b>14.971.422.464</b>	<b>15.289.912.459</b>	<b>1.083.992.278</b>

(Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2010**

ĐVT: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124.322.165.922	136.087.036.320
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ	02		(3.917.358.719)	(5.726.772.519)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.801.025.403)	(8.368.662.005)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(65.212.841.810)	(23.253.615.969)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.541.500)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.180.193.269	1.885.211.989
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(28.282.399.791)	(27.814.619.625)
<b>Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23.287.191.968</b>	<b>72.808.578.191</b>
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(678.582.648)	(189.321.786)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	63.912.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(99.000.000.000)	(90.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		105.000.000.000	90.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.804.591.552	4.204.455.529
<b>Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.126.008.904</b>	<b>(1.920.953.655)</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		500.000.000	1.638.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.926.512.766)	(38.400.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.125.050.000)	(5.653.983.000)
<b>Lu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(54.551.562.766)</b>	<b>(42.415.983.000)</b>
<b>Lu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(20.138.361.894)</b>	<b>28.471.641.536</b>
<b>Tiền và tổng đồng tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>32.611.426.422</b>	<b>4.139.784.886</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tổng đồng tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>12.473.064.528</b>	<b>32.611.426.422</b>

(Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán)

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán (kèm báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến 31/12/2010).**

## 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIỆT NAM)** là Công ty kiểm toán được Bộ Tài chính cho phép kiểm toán Báo cáo tài chính các công ty niêm yết.

- Báo cáo của Kiểm toán:

Chúng tôi, Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

+ Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

+ Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

+ Lưu ý: Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu, chênh lệch tỷ giá liên quan đến số dư khoản mục vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2010 có sự khác biệt so với chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình và chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện việc chi cổ tức 40.500.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2010. Việc chi trả cổ tức trên đã làm cho lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2010 là 63.835.256.600 đồng.

**2. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không.
- Các nhận xét đặc biệt: Không.

**VI. Các công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức, công ty:

Công ty mẹ: Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO).

Trụ sở chính: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 30.475.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 67,72% vốn điều lệ.

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức, công ty nắm giữ: Không.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không.
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan.

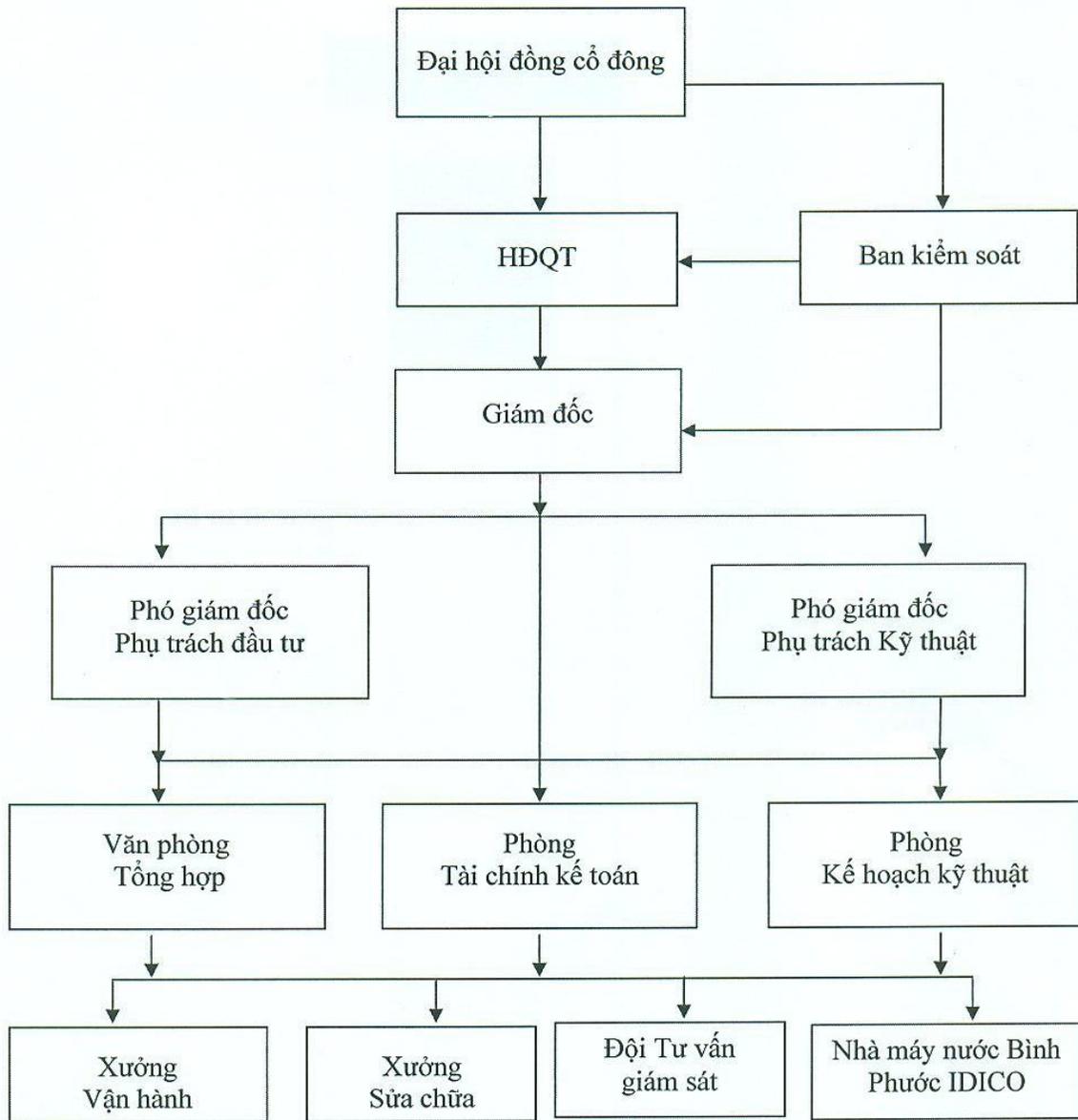
Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty IDICO:

- + Đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị;
- + Đầu tư, kinh doanh các dự án giao thông, thủy điện, cảng biển;
- + Đầu tư, kinh doanh các dự án cấp, thoát nước;
- + Sản xuất, kinh doanh VLXD, Xây lắp công nghiệp, dân dụng
- + Quy hoạch, thiết kế, Kinh doanh du lịch

**VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

**1. Cơ cấu tổ chức của công ty**



## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

### 2.1 Ông Nguyễn Văn Dinh: Giám đốc Công ty

- + Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1959. Giới tính: Nam
- + Hộ khẩu thường trú: Long Thành, Nhơn Trạch, Đồng Nai
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- + Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp
- + Chức vụ Đảng, đoàn thể: Bí thư Chi bộ

## + Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/1982 đến tháng 4/1989 : Công tác tại Trung tâm thiết kế Thủy điện Sông Đà (Nay là Công ty tư vấn thiết kế thuộc Tập đoàn Sông Đà)
- Từ tháng 5/1989 đến tháng 12/1996 : Công tác tại Nhà máy dệt kim Hoàng Loan (Tỉnh Nghệ Tĩnh)
- Từ tháng 01/1997 đến tháng 9/1999 : Công tác tại Công ty xây dựng số 6 thuộc Tổng công ty xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 11/1999 đến tháng 12/2000 : Công tác tại Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp – Bộ Xây dựng.
- Từ tháng 01/2001 đến tháng 5/2006 : Công tác tại Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Tổng công ty IDICO.
- Từ tháng 6/2006 đến nay : Công tác tại Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Nay là Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO).

**2.2 Ông Nguyễn Thanh Hoài: Phó giám đốc Công ty**

+ Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1962. Giới tính: Nam

+ Hộ khẩu thường trú: Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

+ Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp

## + Quá trình công tác:

- Từ 1985 đến 2002 : Công tác tại Tổng công ty xây dựng Sông Đà.
- Từ 2002 đến 2006 : Công tác tại Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty IDICO.
- Từ 2006 đến nay : Công tác tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Nay là Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO)

**2.3 Ông Bùi Hải Nam: Phó giám đốc Công ty**

+ Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1979. Giới tính: Nam

+ Hộ khẩu thường trú: K01A/29 Lê Trọng Tấn, Đà Nẵng.

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

+ Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp

+ Chức vụ Đảng, đoàn thể: Bí thư Chi đoàn Thanh niên

## + Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1998 đến tháng 6/2001 : Công tác tại Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp thuộc Tổng công ty IDICO.

- Từ tháng 6/2001 đến tháng 10/2007 : Công tác tại Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Tổng công ty IDICO.

- Từ tháng 10/2007 đến nay : Công tác tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Nay là Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO)

#### **2.4 Ông Nguyễn Trọng Thọ: Kế toán trưởng Công ty**

+ Quốc tịch: Việt Nam. Năm sinh: 1975. Giới tính: Nam

+ Hộ khẩu thường trú: Thôn Trà Vy Đông, Xã Vũ Công, Kiến Xương, Thái Bình.

+ Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học Kinh tế

+ Quá trình công tác:

- Từ 03/1998 đến 6/1998 : Công tác tại Công ty Sản xuất, xuất nhập khẩu Hương Sen Thái Bình (Chức danh: Chuyên viên tài chính, kế toán tổng hợp).

- Từ 07/1998 đến 12/2001 : Công tác tại Xí nghiệp Xây dựng số 1, Công ty Xây dựng miền Tây - Bộ Xây Dựng (Chức danh: Kế toán trưởng).

- Từ 01/2002 đến 07/2002 : Công tác tại Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp - Bộ Xây Dựng (Chức danh: Chuyên viên tài chính).

- Từ 08/2002 đến 09/2003 : Công tác tại BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp (Chức danh: Trưởng phòng TCKT).

- Từ 09/2003 đến 04/2004 : Công tác tại Công ty Đầu tư xây dựng Long An IDICO - thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp (Chức danh: Phó trưởng phòng TCKT).

- Từ 05/2004 đến 9/2007 : Công tác tại Công ty BOT An Sương An Lạc thuộc liên doanh IDICO, CIENCO 8, CIENCO 6 (Chức danh: Phó trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng).

- Từ 12/2006 đến 04/2010 : Kiêm nhiệm công tác Trưởng ban Kiểm soát – Công ty cổ phần xây dựng Dầu khí IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

- Từ 10/2007 đến 06/2010 : Công tác tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (Chức danh: Kế toán trưởng).

- Từ 07/2010 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (Chức danh: Kế toán trưởng).

**3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:** Không thay đổi.

**4. Quyền lợi của Ban Giám đốc (tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc):** Hưởng lương trực tiếp theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

Quyền lợi của Ban Giám đốc năm 2010:

Chức vụ	Tổng lương	Tổng thưởng	Thu nhập khác
Ban Giám đốc	536.726.420	107.651.500	81.600.000

**5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

- + Lao động bình quân: 152 người
- + Thu nhập bình quân: 5,47 triệu đồng/người/tháng.
- + 100% lao động được tham gia BHXH, BHYT, BHTN
- + Không có lao động dôi dư hoặc không bố trí được việc làm.
- + 100% tham gia tổ chức Công đoàn.

**6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**

+ Thay đổi Kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Trọng Thọ thay Bà Vũ Thị Thúy giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 15/06/2010.

+ Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Ông Phạm Văn Toán thay Ông Trịnh Xuân Tấn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 28/04/2010.

+ Thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

- Bà Nguyễn Thùy Linh thay Bà Vũ Thị Thúy giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 28/04/2010.

## VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và quản trị công ty

**1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành (Ông Phạm Văn Toán, Ông Nguyễn Hồng Hải):

1. Ông Phạm Văn Toán: Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Văn Đình: Ủy viên kiêm Giám đốc Công ty
3. Ông Nguyễn Thanh Hoài: Ủy viên kiêm Phó giám đốc Công ty
4. Ông Bùi Hải Nam: Ủy viên kiêm Phó giám đốc Công ty

**5. Ông Nguyễn Hồng Hải:** Ủy viên

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành (Bà Trần Thị Ngọc)

1. Bà **Trần Thị Ngọc** Trưởng Ban
2. Bà **Nguyễn Thùy Linh** Thành viên
3. Ông **Nguyễn Quốc Trí** Thành viên

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

+ Xây dựng Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật

+ Công ty sẽ rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế quản trị công ty.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	3.000.000 đồng/tháng	3.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	2.000.000 đồng/tháng	8.000.000
3	Trưởng BKS	1	2.000.000 đồng/tháng	2.000.000
4	Thành viên BKS	2	1.000.000 đồng/tháng	2.000.000
5	Thư ký công ty	1	1.000.000 đồng/tháng	1.000.000

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 01

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Họ tên	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị cổ phần	%Vốn điều lệ	Loại cổ phần	Ghi chú
Phạm Văn Toán	30.000	300.000.000	0,07	Phổ thông	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Dinh	5.300	53.000.000	0,012	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Bùi Hải Nam	25.000	250.000.000	0,056	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Thanh Hoài	2.250	22.500.000	0,005	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Hồng Hải	10.950	109.500.000	0,024	Phổ thông	Ủy viên HĐQT
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.500</b>	<b>735.000.000</b>	<b>0,17</b>		

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không.

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

### 2.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước (tại thời điểm 31/12/2010)

Vốn điều lệ: **450.000.000.000 đồng**, bao gồm:

- + Cổ đông Nhà nước: 304.755.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 67,723%.
- + Cổ đông đặc biệt: 850.000.000. đồng, chiếm tỷ lệ 00,189%.
- + Cổ đông trong công ty: 902.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 00,201%.
- + Cổ đông ngoài công ty: 143.492.500.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,887%.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần:

+ **Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam** nắm giữ 30.475.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 67,72%.

+ **Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO** nắm giữ 2.992.103 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,65%.

### 2.2. Cổ đông góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nước ngoài: Không có.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không.

*Nơi nhận:* VP

- UBCK (để b/c);
- Quý Cổ đông (để b/c)
- Website Công ty (để công bố thông tin).
- Lưu VP, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Dinh**